

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHO QUAN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25 /2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN, TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phiếu

Bà Nguyễn Thị Phương Thiệu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình- Thẩm tra viên, Toà án nhân dân huyện Nho Quan

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngân– Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2025/TLST- HNGĐ ngày 25/3/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Huỳnh Thị Thùy L sinh năm 2001.

Nơi cư trú: Thôn Y, xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nơi ở hiện nay: thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn:** Anh Bùi Đình T sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Y, xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình (xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thùy L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Đình T kết hôn với nhau năm 2019, trên tinh thần tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện N. Thời gian

đầu anh chị sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh anh chị vẫn chung sống hòa thuận, hạnh phúc khoảng 03 năm. Sau này phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Cuối năm 2022 chị đã bỏ nhà bố mẹ đẻ tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai cho đến nay. Còn anh T thì bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Y, huyện N Ninh Bình để sống từ đó đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị làm đơn này đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Bùi Đình T.

Về con chung: Chị và anh Bùi Đình T có 01 con chung tên là Bùi Bích L1, sinh ngày 17/12/2018. Hiện nay cháu L1 đang ở với bố là anh T. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng nuôi cháu L1 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị L vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Đình T vì tình cảm anh chị không còn. Về con chung khi ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi cháu Bùi Bích L1 đến khi cháu đủ 18 tuổi và về cấp dưỡng nuôi con yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và công nợ chung chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ bị đơn anh Bùi Đình T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Như chị L trình bày trên là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn cuối năm 2022 vợ chồng anh chị đã sống ly thân cho đến nay. Chị L bỏ về quê ở Gia Lai để sinh sống cho đến nay. Anh T mang con về sinh sống tại xã Y, huyện N từ đó đến nay không ai còn quan tâm có trách nhiệm gì với nhau nhưng vì thương con nên anh nhờ Tòa án khuyên giải chị L suy nghĩ lại nếu chị L kiên quyết thì tùy chị L. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh T, anh T không nhất trí với ý kiến của chị L vì thương con cần có một gia đình trọn vẹn.

Về con chung: anh T và chị L có 01 con chung là cháu Bùi Bích L1. Hiện nay cháu L1 đang ở với anh T. Khi ly hôn anh T đồng ý để chị L được nuôi cháu L1 đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi vì anh phải đi làm ăn xa nên điều kiện chăm sóc con không đảm bảo. Về cấp dưỡng nuôi con anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ khi quyết định bản án có hiệu lực.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình làm tự khai anh Bùi Đình T có trình bày do điều kiện đi

làm công việc ở xa nên không thể thường xuyên về làm việc với Tòa án được nên có đề nghị Tòa án trong quá trình giải quyết và xét xử anh đề nghị xin Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm cho anh được vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia tố tụng tại phiên tòa giải quyết vụ án sơ thẩm phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; 110; 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 5, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Huỳnh Thị Thùy L được ly hôn với anh Bùi Đình T.

2. Về con chung: Giao cho chị Huỳnh Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục đối với cháu Bùi Bích L1 sinh ngày 17/12/2018 cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi Đình T phải cấp dưỡng nuôi cháu L1 mỗi tháng 2.000.000đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi.

“Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở giáo dục con; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: chị Huỳnh Thị Thùy L không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Bùi Đình T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Huỳnh Thị Thùy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0001535 ngày 25 tháng 3 năm 2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn; Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Huỳnh Thị Thùy L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải là có căn cứ.

- Ngày 16/4/2025 là nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thùy L có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định Điều 227; Khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Bùi Đình T là bị đơn trong vụ án đã có yêu cầu xin xử vắng mặt tại phiên tòa với lý do đi làm ăn xa không thể tham gia phiên tòa được. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Huỳnh Thị Thùy L và anh Bùi Đình T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào 25/10/2019 tại UBND xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở tự nguyện đây là cuộc hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 25/10/2019. Đây là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Sau khi kết hôn vợ chồng chị L và anh T sống tại Thành phố Hồ Chí Minh chung sống hòa thuận hạnh phúc được đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không có tiếng nói chung, thường xuyên xúc phạm nhau. Trong thời gian sinh sống hai vợ chồng anh chị mâu thuẫn càng trầm trọng khiến không khí gia đình căng thẳng. Cuối năm 2022 chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở huyện Đ, tỉnh Gia Lai còn anh T đã mang con về xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình để sinh sống mỗi người ở một nơi cho đến nay mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa nên chị L đề nghị xin ly hôn anh T. Anh T cũng trình bày sau khi kết hôn vợ chồng anh T chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và nguyên

nhân, thời gian mâu thuẫn giống như chị L đã trình bày. Sau khi phát sinh mâu thuẫn, chị L xin ly hôn anh T không đồng ý ly hôn với lý do vì thương con nên anh nhờ Tòa án khuyên giải chị L suy nghĩ lại nếu chị L kiên quyết thì tùy chị L. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh T, anh T không nhất trí với ý kiến của chị L vì thương con cần có một gia đình trọn vẹn. Chính quyền địa phương nơi anh T cư trú cũng xác nhận. Chị L và anh T có đăng ký kết hôn sinh sống tại xã Y, huyện N nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L và anh T thì địa phương không nắm rõ nhưng thực tế từ cuối năm 2022 chị L có về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Gia Lai để sinh sống. Còn anh T vẫn sinh sống tại xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình cho đến nay. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thùy L, xử cho chị Huỳnh Thị Thùy L được ly hôn với anh Bùi Đình T là phù hợp Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2].Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung tên là Bùi Bích L1, sinh ngày 17/12/2018. Hiện nay cháu L1 đang ở với bố là anh T. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi cháu Bùi Bích L1 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tại Bản tự khai anh T đồng ý để chị L nuôi cháu L1 do anh T đi làm ăn xa nên không có điều kiện chăm sóc cháu. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình và nguyện vọng được nuôi con của chị L là chính đáng nên Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Bích L1 đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật và anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử chấp nhận mức anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng/tháng cho cháu L1 đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi.

[2.2].Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L không yêu cầu do vậy Hội đồng xét xử không xem xét

[2.3].Về án phí: Chị Huỳnh Thị Thùy L chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 107; Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều

273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Huỳnh Thị Thùy L được ly hôn đối với anh Bùi Đình T. Quan hệ hôn nhân của chị Huỳnh Thị Thùy L và anh Bùi Đình T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Huỳnh Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục đối với cháu Bùi Bích L1 sinh ngày 17/12/2018 cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi Đình T phải cấp dưỡng nuôi cháu L1 mỗi tháng 2.000.000đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Huỳnh Thị Thùy L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Bùi Đình T không thi hành hết số tiền cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

“Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở giáo dục con; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Tòa án không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Bùi Đình T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Huỳnh Thị Thùy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0001535 ngày 25/3/2025.

Án xử công khai sơ thẩm chị L và anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND H. NQ;
- Chi cục THA H. NQ;
- UBND thị trấn NQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Thị Thanh Nhân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lâm Thị Thanh Nhàn

